

BIỂU PHÍ B
Biểu phí sản phẩm – dịch vụ liên quan đến dịch vụ ngân quỹ

(Áp dụng từ ngày 26/03/2025)

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ (Chưa bao gồm VAT)	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	CẤP ĐỘ PHÍ
1	Kiểm định ngoại tệ (xác định thật, giả)	0,2 USD/ tờ			3
2	Thanh toán thẻ tín dụng (nếu lấy VND thì áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản do SHB công bố tại thời điểm giao dịch)	3%	2 USD		1
3	Đổi tiền				
3.1	Đổi tiền mặt ngoại tệ				
	- Lấy đồng Việt Nam (áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt do SHB công bố tại thời điểm giao dịch)	Miễn phí			1
	- Đổi tiền mặt ngoại tệ mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí			1
	- Đổi tiền mặt ngoại tệ mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	4%	2 USD		2
	- Đổi tiền mặt ngoại tệ mà tờ tiền bị cũ, mốc hoặc bẩn	4%	5 USD		3
3.2	Đổi tiền mặt VND				
	- Đổi tiền mặt VND không đủ tiêu chuẩn lưu thông	Miễn phí			1
	- Đổi tiền mặt VND từ mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	Theo thỏa thuận			3
4	Dịch vụ bảo quản tài sản				1
4.1	Ký quỹ	2.000.000 VND/ Hợp đồng			1
4.2	Bảo quản tài sản				
4.2.1	Nguyên niêm phong				
4.2.1.1	Tiền mặt				
4.2.1.1.1	VND	0.01% Số tiền bảo quản/ ngày	20.000 VND		1
		0.05% Số tiền bảo quản/ tháng	20.000 VND		1
4.2.1.1.2	Ngoại tệ	0.01% Số tiền bảo quản/ ngày	10 USD		1
		0.05% Số tiền bảo quản/ tháng	10 USD		1
4.2.1.2	Vàng				

4.2.1.2 .1	SJC	<= 12 tháng: 8.000 VND/ lượng/ tháng	20.000 VND		1
		> 12 tháng: 5.000 VND/ lượng/ tháng			
4.2.1.2 .2	Vàng khác	1.000 VND/ chỉ/ tháng	20.000 VND		1
4.2.1.3	Đá quý	10.000 VND/ gr/ tháng	20.000 VND		1
4.2.1.4	Kim khí quý (ngoài vàng)	10.000 VND/ món/ tháng	20.000 VND		1
4.2.1.5	Giấy tờ có giá	0.03% Mệnh giá/ tháng	20.000 VND		1
4.2.1.6	Tài liệu quan trọng (tính theo trọng lượng)	- Dưới 100gr/ tháng	30.000 VND		1
		- Từ 100gr đến dưới 500gr/ tháng	60.000 VND		
		- Từ 500gr đến dưới 1000gr/ tháng	100.000 VND		
		- Từ 1000gr đến 5000gr/ tháng	200.000 VND		
		- Trên 5000gr/ tháng	200.000 VNĐ + 10.000VNĐ mỗi 100gr tăng thêm		
4.2.2	Kiểm nhận hiện vật				
4.2.2.1	Tiền mặt				
4.2.2.1 .1	VND	Như 4.2.1.1.1 + Phí kiểm đếm 0.03%	30.000 VND		1
4.2.2.1 .2	Ngoại tệ	Như 4.2.1.1.2 + Phí kiểm đếm 0.03%	15 USD		1
4.2.2.2	Vàng	Như 4.2.1.2 + Phí kiểm định			1
4.2.2.3	Đá quý	Như 4.2.1.3 + Phí kiểm định			1
4.2.2.4	Kim khí quý (ngoài vàng)	Như 4.2.1.4 + Phí kiểm định			1
4.3	Phí kiểm tra tài sản	40.000 VND/ lần			1
4.4	Cấp lại bản sao Hợp đồng BQTS/ GTCG/ TLQT/ Biên bản giao nhận Tài sản do bị mất/ hư hỏng	50.000 VND/ bản/ lần			1
4.5	Bảo quản Tài sản theo yêu cầu đặc biệt của Khách hàng	Thỏa thuận			3

5	Kiểm đếm hộ khách hàng				
5.1	Tại các điểm giao dịch của SHB				
5.1.1	Trong giờ giao dịch	0,03%	20.000 VND /2 USD (đối với ngoại tệ)	1.000.000VN D /100 USD (đối với ngoại tệ)	2
5.1.2	Ngoài giờ giao dịch	0,05%	50.000 VNĐ /5 USD (đối với ngoại tệ)	1.000.000VN D /100 USD (đối với ngoại tệ)	2
5.2	Tại trụ sở khách hàng	Theo thỏa thuận	50.000 VNĐ /5 USD (đối với ngoại tệ)		3
6	Kiểm đếm kèm dịch vụ chuyển tiền/ rút tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản - Miễn phí đối với nhân viên SHB - Miễn phí nếu nguồn gốc số tiền khách hàng chuyển tiền/ rút tiền có chứng từ chứng minh không phát sinh kiểm đếm tiền mặt thực tế như: Khách hàng rút tiền từ Hợp đồng tiền gửi/ Séc/ Sổ tiết kiệm tại SHB và nộp ngay vào TK; hoặc được SHB giải ngân bằng tiền mặt và KH nộp ngay vào TK; hoặc SHB mua ngoại tệ của KH, trả tiền VND và KH nộp ngay vào TK; hoặc trường hợp mục đích chuyển tiền/ rút tiền để gửi tiền có kỳ hạn/ mua GTCC ngay tại SHB...				
	Giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng/ điểm giao dịch/ ngày	Miễn phí			1
	Giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/ điểm giao dịch/ ngày	0,02% tổng số tiền chịu phí kiểm đếm	20.000 VND	1.000.000 VND	2
7	Thu tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu				2
7.1	Trong giờ làm việc				
	Bán kính <= 10km	0.08%	300.000 VND		
	Bán kính > 10km	Theo thỏa thuận			
7.2	Ngoài giờ làm việc		Như 7.1 + 0.05%		

Ghi chú:

1. Phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).
2. “Số tiền chịu phí kiểm đếm” là tổng số tiền Khách hàng thực hiện giao dịch (chuyển tiền, rút tiền) trong ngày tại một điểm giao dịch. Số tiền chuyển/ rút được nộp vào TK trong vòng 02 ngày làm việc không phân biệt điểm thực hiện nộp (không bao gồm số tiền Khách hàng có sẵn trước 02 ngày này).
“Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TK” được hiểu là ngày thực hiện giao dịch và ngày làm việc kế tiếp liền kề.
3. Phí được thu ngay 1 lần khi phát sinh nghiệp vụ.
4. Miễn phí Kiểm đếm kèm dịch vụ chuyển tiền/ rút tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản đối với nhân viên SHB bao gồm cả các nhân viên công ty con thuộc SHB (SHBAMC, SHS, SHB FC...): áp dụng đối với trường hợp nhân viên SHB thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản của chính nhân viên.
5. SHB không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của SHB gây ra.
6. Những chi phí phát sinh ngoài biểu phí như dịch vụ bưu phẩm, phát chuyển nhanh, fax, telex..., chi phí ngân hàng trung gian sẽ được thu thêm theo thực tế.
7. Những dịch vụ khác không được liệt kê ở biểu phí này sẽ được SHB thông báo cho khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
8. Đối với phí dịch vụ thu bằng ngoại tệ, SHB có thể thu phí bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do SHB công bố tại thời điểm thu phí.
9. Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của SHB tại từng thời kỳ.
10. Ghi chú thêm đối với mục phí 4 - DỊCH VỤ BẢO QUẢN TÀI SẢN CỦA SHB:
 - 10.1. Đối với việc kiểm định tài sản mà SHB thuê đơn vị chuyên trách kiểm định thì Phí kiểm định được xác định theo biểu phí dịch vụ của đơn vị chuyên trách kiểm định.
 - 10.2. Đối với Tài sản mà Khách hàng yêu cầu biện pháp bảo quản đặc biệt thì Giám đốc các đơn vị được quyết định mức phí thu trên nguyên tắc hiệu quả và đảm bảo đủ bù đắp chi phí mà SHB bỏ ra để thực hiện biện pháp bảo quản đặc biệt cho Tài sản của Khách hàng.
 - 10.3. Phí được thu ngay 1 lần khi phát sinh nghiệp vụ hoặc thu phí định kỳ theo quy định hiện hành của SHB.
 - 10.4. Đối với tài sản là tiền mặt thì việc xác định biểu phí theo ngày, theo tháng áp dụng như sau:
 - 10.4.1. Nếu Khách hàng gửi dưới 1 tháng, áp dụng cách tính phí theo ngày và theo công thức:
Số tiền phí KH phải trả = Số tiền Khách hàng gửi bảo quản * 0.01% * Số ngày thỏa thuận trên Hợp đồng
 - 10.4.2. Nếu Khách hàng gửi từ 1 tháng trở lên, áp dụng cách tính phí theo tháng và theo công thức:

$$\text{Số tiền phí KH phải trả} = \frac{\text{Số tiền khách hàng gửi bảo quản} * 0.05\%}{30} * \text{Số ngày thỏa thuận trên hợp đồng}$$

- 10.5. Đối với tài sản không phải là tiền mặt thì số tiền phí được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền phí KH phải trả} = \frac{\text{Mức phí theo quy định}}{30} * \text{Số ngày thỏa thuận trên hợp đồng}$$

11. Dịch vụ thu tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu chỉ áp dụng khi SHB và khách hàng có hợp đồng thu tiền mặt lưu động

